

Số 2548 /BGDDĐT- GDTC

V/v hướng dẫn tổng kết 05 năm thực  
hiện Quyết định số 1076/QĐ- TTg*Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2020*

Kính gửi:

- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Các đại học, học viện;
- Các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

Ngày 17 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1076/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 (gọi tắt là Quyết định 1076), với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của trẻ em, học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao tầm vóc người Việt Nam. Để có cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả 5 năm triển khai thực hiện Quyết định 1076, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo; các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm (gọi tắt là cơ sở đào tạo) báo cáo tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Quyết định 1076, theo các nội dung, cụ thể như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 1076 và các văn bản về công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình, nhà trường, xã hội đối với phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học;

- Tình hình thực hiện Chương trình Giáo dục thể chất, đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục thể chất trong trường phổ thông và cơ sở đào tạo;

- Phát triển hoạt động thể thao trường học;

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên Giáo dục thể chất trong trường phổ thông và cơ sở đào tạo;

- Kết quả tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học; thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao và công tác xã hội hóa đối với công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học;

- Công tác hợp tác quốc tế, tăng cường sự hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức, cá nhân nước ngoài đối với công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học tại địa phương, đơn vị.

2. Những khó khăn khi triển khai thực hiện Quyết định 1076

3. Kiến nghị và đề xuất.

*(Tổng hợp số liệu báo cáo theo các mẫu Phụ lục gửi kèm)*

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở đào tạo tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Quyết định 1076 và gửi báo cáo kèm theo số liệu thống kê về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo địa chỉ: Vụ Giáo dục Thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, điện thoại: 0912186911, email, [tantien@moet.gov.vn](mailto:tantien@moet.gov.vn) (đ/c Trần Ngọc Tiến, Chuyên viên Vụ GDTC)/.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- BT. Phùng Xuân Nhạ (để b/c);
- TT. Nguyễn Hữu Độ ( để b/c);
- VT. Nguyễn Thanh Đề ( để b/c);
- Công TTĐT của Bộ GDĐT (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ GDTC (5b).

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC THỂ CHẤT  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Trần Văn Lam

**Phu lục 1****Mẫu thống kê dành cho: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1076/ QĐ – TTg NGÀY 17/6/2016

(Kèm theo Công văn số

/BGDDT-GDTC ngày tháng năm 2020)

- Đơn vị báo cáo: .....

- Số điện thoại: .....

**1. BẢNG THỐNG KÊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC**  
(Tính đến ngày 30/6/2020)

TT	CẤP HỌC	Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số trường dạy 2 tiết GDTC /tuần	Số trường dạy 1 tiết GDTC / tuần	Số trường thực hiện đổi mới PP dạy học và kiểm tra đánh giá GDTC	Tỷ lệ % số trường thực hiện đổi mới PP dạy học và kiểm tra đánh giá tăng so với năm 2015
1	Mầm non							
2	Tiểu học							
3	Trung học cơ sở							
4	Trung học phổ thông							
5	Phổ thông nhiều cấp học							

**2. TỔNG SỐ HỌC SINH THAM GIA TẬP LUYỆN TDTT NGOẠI KHÓA VÀ TỶ LỆ HỌC SINH ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI THỂ LỰC THEO TUỔI**

TT	HỌC SINH	TỔNG SỐ HS THAM GIA TẬP LUYỆN TDTT NĂM 2020							Ghi chú
		Tổng số học sinh trong năm học 2020	Tổng số học sinh tham gia tập luyện TDTT	Tỷ lệ% (2020)	Tỷ lệ % tăng so với năm 2015	TS học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực theo tuổi	Tỷ lệ% so với tổng số HS năm 2020	Tỷ lệ % tăng so với năm 2015	
1	Tiểu học								
2	Trung học cơ sở								
3	Trung học phổ thông								
4	Phổ thông nhiều cấp học								

3. TỔNG SỐ HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA (Giải thi đấu) ĐƠN VỊ TỔ CHỨC VÀ THAM GIA DÀNH CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, HỌC SINH TRONG NĂM HỌC 2019 - 2020

TT	CÁC CẤP TỔ CHỨC	TỔNG SỐ CÁC HOẠT ĐỘNG TĐTT DO ĐƠN VỊ TỔ CHỨC NĂM HỌC 2019 - 2020		TỶ LỆ % TĂNG SO VỚI NĂM 2015	TỔNG SỐ LẦN THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG TĐTT CẤP TOÀN QUỐC DO BỘ TỔ CHỨC VÀ THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC (NĂM HỌC 2019 - 2020)				TỶ LỆ % SỐ LẦN THAM GIA TĂNG SO VỚI NĂM 2015
		Cho CBGV	Cho HS		Cho CBGV	Thành tích (Huy chương)	Cho HS	Thành tích (Huy chương)	
1	Cấp Sơ								
2	Cấp Phòng GDĐT								
3	Cấp trường								
	<b>Tổng số</b>								

4. TỔNG SỐ CÁN BỘ GIÁO VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TÍNH ĐẾN NAY

[illegible]

## 5. BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT, THỂ THAO TRƯỜNG HỌC

TT	CÁC TRƯỜNG THUỘC TỈNH	SỐ LƯỢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG TÍNH ĐẾN NAY											Tổng số công trình do ngành TĐTT Quản lý được phối hợp sử dụng cho GDTC và TT trường học (số lượng)
		Nhà tập (phòng GDTC)	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Sân tập cấp trường	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Bê bơi	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Sân chơi	CSVC khác	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Tổng số trường có đầy đủ trang thiết bị dụng cụ phục vụ dạy và học môn GDTC	Số lượng công trình xã hội hóa (tính chung tỷ lệ %)	
1	Mầm non												
2	Tiểu học												
3	Trung học cơ sở												
4	Trung học phổ thông												
5	Phổ thông nhiều cấp học												
	Tổng số:												

....., ngày .....tháng .....năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị**  
( ký tên và đóng dấu )

## Phụ lục 2

Mẫu thống kê dành cho: **HỌC VIỆN, ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP SƯ PHẠM**

THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1076/QĐ – TTg NGÀY 17/6/2016

(Kèm theo Công văn số ...../BGĐT-GDTC ngày tháng năm 2020)

- Đơn vị báo cáo: Trường .....

- Cán bộ liên hệ khi cần: .....Số điện thoại: .....

### 1. BẢNG THỐNG KÊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTC VÀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

(Tính đến thời điểm 30/6/2020)

TT	BẬC HỌC	Tổng số học sinh, sinh viên (trong năm 2020)	Tổng số giờ dạy GDTC (theo chương trình đào tạo, chứng chỉ quy ra giờ dạy)	GDTC tập trung dạy trong 1 học kỳ của khóa đào tạo	GDTC tập trung dạy trong 2 học kỳ của khóa đào tạo	GDTC dạy trong 3-4 học kỳ của khóa đào tạo	Tổng số HS, SV tham gia tập luyện TDTT	Tổng số HS,SV đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực theo tuổi	Tỷ lệ % HS,SV đánh giá xếp loại thể lực theo tuổi tăng so với năm 2015	GHI CHÚ
1	Trình độ đại học									
2	Trình độ cao đẳng									
3	Trình độ trung cấp									

### 2. TỔNG SỐ HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA (Giải thi đấu) ĐƠN VỊ TỔ CHỨC CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, HỌC SINH, SINH VIÊN NĂM 2020

TT	CÁC CẤP TỔ CHỨC	TỔNG SỐ CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT DO ĐƠN VỊ TỔ CHỨC (Trong năm 2020)		TỶ LỆ % TĂNG SỐ VỚI NĂM 2015	TỔNG SỐ LẦN THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT CẤP TOÀN QUỐC DO BỘ GDĐT TỔ CHỨC VÀ THÀNH TÍCH (trong năm 2019)				TỶ LỆ % SỐ LẦN THAM GIA TĂNG SO VỚI NĂM 2015
		Cho CBGV	Cho HS, SV		CBGV	Thành tích (Huy chương)	HS,SV	Thành tích (Huy chương)	
1	Cấp khoa								
2	Cấp trường								
3	Cấp cụm (khu vực)								
	<b>Tổng số</b>								

**3. TỔNG SỐ CÁN BỘ GIÁO VIÊN GIẢNG VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TÍNH ĐẾN NAY**

Tổng số giáo viên, giảng viên GDTC hiện nay (năm 2020)	Tỷ lệ % giáo viên, giảng viên GDTC tăng so với năm 2015	Trình độ				TỔNG SỐ GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG			TỶ LỆ % GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG TĂNG SO VỚI NĂM 2015
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Trình độ khác	Cấp bộ	Cấp trường	Tổng số người	

**4. TỔNG HỢP CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC GDTC, THỂ THAO TRƯỜNG HỌC HIỆN NAY**

SỐ LƯỢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG											
Nhà tập (phòng GDTC)	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Sân tập (sân vận động) cấp trường	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Bể bơi	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Các sân thể thao khác (bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông...)	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Tổng số trang thiết bị dụng cụ phục vụ dạy và học môn GDTC (đảm bảo bao nhiêu % nhu cầu)	Số lượng công trình xã hội hóa (tính chung tỷ lệ %)	Tổng số công trình do ngành TDTT Quản lý được phối hợp sử dụng cho GDTC và TT trường học (số lượng)	Ghi chú

....., ngày .....tháng .....năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên và đóng dấu)